TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 313/2024/DS-PT
Ngày: 30-7-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Những

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 266/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số A, Ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1942; Địa chỉ thường trú: Ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An; Địa chỉ nơi ở hiện tại: Số A, Ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Anh K, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

3.2. Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số A, Tỉnh lộ 836, Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người kháng cáo: nguyên đơn ông Nguyễn Anh T).

(Ông T và ông K có mặt, cụ L và ông T1 xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2022, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Anh T trình bày như sau:

Các thửa đất số 75 và thửa đất số 13, cùng tờ bản đồ số 8 và thửa đất 271, tờ bản đồ số 18, cùng tọa lạc ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An có nguồn gốc là tài sản chung cụ Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1930 và cụ Phạm Thị L, sinh năm 1942.

Cụ L1 và cụ L có tất cả là 08 người con gồm: Nguyễn Liêm P, Nguyễn Thị Hoàng O, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Vĩnh K1, Nguyễn Anh T, Nguyễn Anh K, Nguyễn Thị Mai T2 và Nguyễn Thị Yến L2. Ngày 06/8/2016, cụ Nguyễn Thanh L1 chết không để lại di chúc và cũng chưa tặng cho, chuyển nhượng các thửa đất trên cho ai. Những người thừa kế của cụ L1 cũng chưa làm thủ tục phân chia di sản thừa kế.

Tuy nhiên, ngày 12/4/2022, cụ L tự ý ký hợp đồng đặt cọc với bà Nguyễn Thị Bé H để chuyển nhượng thửa 271 và 01 phần thửa 13 cho bà Nguyễn Thị Bé H. Vì vậy, để hợp thức hóa việc chuyển nhượng này, tránh phát sinh việc cụ L phải đền số tiền đã nhận cọc, thì tất cả những người thừa kế của cụ L1 đã họp bàn thống nhất: Tất cả những người thừa kế của cụ L1 sẽ làm thủ tục kê khai di sản thừa kế của cụ L1 để lại và cụ L sẽ nhận phần di sản mà cụ L1 để lại. Sau khi nhận di sản thì cụ L sẽ làm thủ tục chuyển nhượng thửa 271 và 01 phần thửa 13 cho bà Nguyễn Thị Bé H. Số tiền có được từ việc chuyển nhượng sẽ chia đều làm 08 phần cho cụ L và 07 thừa kế khác, riêng phần ông T thì sẽ được cụ L tặng cho 01 phần đất thuộc 01 phần thửa 13 với chiều ngang mặt tiền là 10m. Ngày 01/7/2022, cụ L đã lập "Giấy cho con đất" có nội dung cam kết tặng cho ông T phần đất 500m^2 thuộc 01 phần thửa 13 với chiều ngang mặt tiền là 10m.

Đến ngày 11/7/2022, tất cả những người thừa kế của cụ L1 đã đến Ủy ban nhân dân xã N để lập "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản", được chứng thực số 93/2022, quyển số 01/2022-SCT/HĐ,GD với nội dung là cụ L được nhận toàn bộ thửa đất số 75 (số thửa mới là 74), thửa đất số 13, cùng tờ bản đồ số 8 và thửa đất 271, tờ bản đồ số 18, cùng tọa lạc ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An. Sau khi nhận thừa kế, đến tháng 9/2022, cụ L đã lập thủ tục chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Bé H quyền sử dụng thửa đất 271 tờ bản đồ số 18 và 01 phần thửa 13, tờ bản đồ số 8 (có chiều ngang 25m) và đã nhận số tiền chuyển nhượng là 3.300.000.000đ. Sau khi nhận đủ tiền, cụ L đã chia đều làm 06 phần cho cụ L và các anh, chị, em của ông T gồm: Nguyễn Thị Hoàng O, Nguyễn Liêm P, Nguyễn Anh K, Nguyễn Thị Mai T2 và Nguyễn Thị Yến L2. Do ai cũng đã được nhận quyền lợi của mình, nên ông T đã đề nghị cụ L làm thủ tục tách phần đất diện tích 500m^2 thuộc 01 phần thửa 13 có chiều ngang mặt tiền là 10m cho ông T theo "Giấy cho con đất" lập ngày 01/7/2022, nhưng cụ L không đồng ý.

Do đó, ông T khởi kiện cụ Phạm Thị L ra Tòa án yêu cầu giải quyết: "Buộc cụ Phạm Thị L thực hiện nghĩa vụ đã cam kết là: Tặng cho quyền sử dụng đất có diện tích 10m x 50m = 500m^2 (Giáp lề đường bờ bắc Kênh D) thuộc một phần thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8, ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An cho ông Nguyễn Anh T theo "Giấy cho con đất" lập ngày 01/7/2022".

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T trình bày: sau khi lập "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" ngày 11/7/2022 được khoảng 01 tháng, ông T có liên hệ với cụ L để yêu cầu thực hiện việc tách quyền sử dụng đất phần 500m^2 mà cụ L đã cam kết tặng cho ông T, nhưng cụ L không đồng ý. Sau đó, ông T tiếp tục liên hệ với cụ L thêm 02 lần nữa để yêu cầu cụ L thực hiện cam kết, nhưng cụ L vẫn không đồng ý, nên ông T mới khởi kiện cụ L ra Tòa án. Sau khi khởi kiện, thì ông T có liên hệ với cụ L để thông báo về việc kiện, nhưng cụ L vẫn không đồng ý tách quyền sử dụng đất phần 500m^2 mà cụ L đã cam kết tặng cho ông T. Phần đất cụ L cam kết tặng cho ông T thì cụ L có cắm trụ ranh xác định rõ ràng, nhưng do ông T sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh nên không trực tiếp quản lý, mà vẫn do cụ L quản lý.

Bị đơn cụ Phạm Thị L tại bản tự khai ngày 21/02/2024 trình bày như sau: Cụ L không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, vì "Giấy cho con đất" lập ngày 01/7/2022 chỉ là giấy tay, không có công chứng, chứng thực, nên không có hiệu lực, nay cụ L không đồng ý cho ông T phần đất trên. Cụ L xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh K tại bản tự khai ngày 21/02/2024 trình bày như sau: Phần đất ông T đang khởi kiện cụ L có liên quan đến 01 phần thửa đất mà ông K đang đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ông K không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T. Bởi vì, "Giấy cho con đất" lập ngày 01/7/2022 chỉ là giấy tay, không có công chứng, chứng thực, nên không có hiệu lực pháp luật. Ông K xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T1 trình bày tại bản tự khai ngày 21/02/2024 như sau: Theo đơn khởi kiện của ông T đối với cụ L, thì ông T1 không đồng ý toàn bộ. Ông T1 xác định toàn bộ số cây trồng trên phần đất mà ông T đang khởi kiện cụ L không phải thuộc quyền sở hữu của ông T. Trước đây các cây trồng này là do ông T1 trồng và đã giao lại cho cụ L toàn quyền sở hữu. Ông T1 xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh đã căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 117, Điều 122, Điều 129, Điều 407, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 503 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167, Điều 168 Luật Đất đai; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh T về việc: "Buộc cụ Phạm Thị L thực hiện nghĩa vụ đã cam kết là: Tặng cho quyền sử dụng đất có diện tích 10m x 50m = 500m^2 (Giáp lề đường bờ bắc Kênh D) thuộc một phần thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8, ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An cho ông Nguyễn Anh T theo "Giấy cho con đất" lập ngày 01/7/2022".

2. Về chi phí tố tụng là 4.474.000đ: Buộc ông Nguyễn Anh T phải chịu toàn bộ, đã nộp xong.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Anh T phải nộp 300.000đ án phí sung Ngân sách Nhà nước. Cho chuyển khoản tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004486 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An sang thi hành án phí, nên ông T không phải nộp tiếp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Anh T kháng cáo, không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Anh T không rút yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết các vấn đề có tranh chấp trong vụ án.

Trong phần tranh luận:

Ông Nguyễn Anh K trình bày: Theo ông được biết do ông T đã được cha mẹ cho đất từ trước đó nên cụ L mới không cho nữa.

Ông Nguyễn Anh T trình bày: ông không hiểu vì sao mà cụ L thay đổi ý kiến, không đồng ý tặng cho đất cho ông như thỏa thuận, do hiện nay cụ L đang sinh sống với các anh chị em khác nên có phần bị tác động chứ không phải như ông K trình bày. Trường hợp cụ L vẫn không đồng ý thực hiện thỏa thuận tặng cho thì ông yêu cầu cụ L phải bồi hoàn giá trị quyền sử dụng phần đất đã hứa tặng cho ông tương đương phần giá trị quyền sử dụng đất mà cụ L đã chia tiền cho các anh chị em khi bán đất.

Dù cụ L đã cam kết tặng cho quyền sử dụng đất cho ông nhưng ông và các anh chị em khác cùng đến phòng công chứng để làm thủ tục giao toàn bộ thửa đất trên cho cụ L vì cụ L đã tự ý nhận đặt cọc bán đất cho bà Nguyễn Thị Bé H khi chưa thực hiện thủ tục phân chia thừa kế. Để tránh việc mẹ ông phải bồi thường tiền cọc nên tất cả những người thừa kế của cụ L1 (gồm cả cụ L) sẽ làm thủ tục kê khai di sản thừa kế của cụ L1 để lại cho cụ L để bà thực hiện chuyển nhượng đất cho bà Bé H như thỏa thuận nhận cọc, không phải bồi thường, phần còn lại thì

cho ông như thỏa thuận trước đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Thấy rằng "Giấy cho con đất" lập ngày 01/7/2022 mà ông T khởi kiện, không có công chứng, chứng thực, người được tặng cho quyền sử dụng đất là ông T chưa đăng ký quyền sử dụng đất phần đất được tặng cho, nên việc tặng cho này chưa có hiệu lực. Mặt khác, đến ngày 11/7/2022, chính ông T cũng đã ký vào "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản" có phần nội dung cụ L được nhận toàn bộ thửa 13 (bao gồm cả phần đất mà ông T nói cụ L cam kết tặng cho ông T theo "Giấy cho con đất" lập ngày 01/7/2022), nên thỏa thuận tặng cho đất giữa cụ L và ông T theo "Giấy cho con đất" lập ngày 01/7/2022 đã chấm dứt hiệu lực.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Anh T kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của ông T về bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Về việc vắng mặt của các đương sự: bị đơn bà Phạm Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T1 đều có đơn xin được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung kháng cáo:

Ông Nguyễn Anh T yêu cầu "Buộc bà Phạm Thị L thực hiện nghĩa vụ đã cam kết là: Tặng cho quyền sử dụng đất có diện tích 10m x 50m = 500m^2 (Giáp lề đường bờ bắc Kênh D) thuộc một phần thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8, ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An cho ông Nguyễn Anh T theo "Giấy cho con đất" lập ngày 01/7/2022".

Thấy rằng:

Ngày 01/7/2022, ông T và cụ L lập giấy*"Giấy cho con đất"* đề ngày 01/7/2022. Đến ngày 11/7/2022, tất cả những người thừa kế của ông L1 đã đến Ủy ban nhân dân xã N để lập "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản", được chứng

thực số 93/2022, quyển số 01/2022-SCT/HĐ,GD với nội dung là bà L được nhận toàn bộ thửa đất số 75 (số thửa mới là 74), thửa đất số 13, cùng tờ bản đồ số 8 và thửa đất 271, tờ bản đồ số 18, cùng tọa lạc ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Sau khi nhận thừa kế, đến tháng 9/2022, cụ L đã lập thủ tục chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Bé H thửa 271 tờ bản đồ số 18 và 01 phần thửa 13, tờ bản đồ số 8 (có chiều ngang 25m) và đã nhận số tiền chuyển nhượng là 3.300.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, cụ L đã chia thành 06 phần cho cụ L và các anh, chị, em của ông T gồm: Nguyễn Thị Hoàng O, Nguyễn Liêm P, Nguyễn Anh K, Nguyễn Thị Mai T2 và Nguyễn Thị Yến L2. Phần của ông T thì ông T đề nghị cụ L làm thủ tục tách phần đất diện tích 500m^2 thuộc 01 phần thửa 13 có chiều ngang mặt tiền là 10m cho ông T theo "Giấy cho con đất" lập ngày 01/7/2022, nhưng cụ L không đồng ý nên ông T khởi kiện.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc tặng cho đất giữa ông T và cụ L chỉ bằng giấy tay không có công chứng chứng thực, hơn nữa sau khi tặng cho xong thì sau đó ông T lại ký văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế không nhận phần tặng cho nêu trên mà giao lại hết cho cụ L nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ông T trình bày lý do khi cụ L tặng cho đất mà sau đó ông và các thừa kế khác cùng đến phòng công chứng để làm thủ tục giao toàn bộ thửa đất trên cho cụ L là vì cụ tự ý ký nhận đặt cọc bán đất cho bà Nguyễn Thị Bé H khi chưa thực hiện thủ tục phân chia thừa kế. Vì vậy, cụ L không phải bồi thường số tiền cọc đã nhận nên những người thừa kế của cụ L1 thống nhất làm thủ tục kê khai di sản thừa kế của cụ L1 cho cụ L để cụ chuyển nhượng cho bà Bé H và không phải bồi thường, phần còn lại thì cho ông như thỏa thuận trước đó.

Sau khi đối chiếu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng lời trình bày của ông T là có căn cứ, sau khi cụ L nhận tiền cọc chuyển nhượng đất cho bà Bé H, trường hợp ông T và các con khác của cụ L1 và cụ L không ký văn bản thỏa thuận giao toàn bộ diện tích đất thửa đất 271 và thửa đất 13 cho cụ L thì việc thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ L với bà Bé H không thực hiện được. Tại phiên tòa, ông K cho rằng mẹ ông trước đó đã cho đất ông T rồi nên không cho nữa nhưng không có căn cứ chứng minh và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật. Có căn cứ xác định việc thỏa thuận giữa cụ L và ông T là hợp đồng tặng cho có điều kiện, theo đó cụ L là người tặng cho đất yêu cầu ông T là người bên được tặng cho phải thực hiện nghĩa vụ của mình là hợp thức hóa quyền sử dụng đất cho cụ L thửa đất số 13, ông T đã thực hiện hoàn thành nghĩa vụ của mình, sau đó cụ L thực hiện chuyển nhượng đất cho bà Bé H và không thực hiện nghĩa vụ lại đối với ông T là vi phạm Điều 462 của Bộ luật dân sự năm 2015 về tặng cho tài sản có điều kiện. Do đó các căn cứ của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định để bác yêu cầu của ông T là chưa phù hợp, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T về việc yêu cầu cụ L thực hiện nghĩa vụ giao đất. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T đề nghị được nhận giá trị quyền sử dụng đất tặng cho tương đương phần di

sản mà lẽ ra ông được nhận (sau khi bán đất cho bà B Hai mỗi anh chị em được chia 650.000.000 đồng/ người) hoặc nhận giá trị quyền sử dụng phần đất diện tích 500m^2 thuộc thửa đất 13 mà cụ L tặng cho ông ông cũng đồng ý. Xét thấy đề nghị của ông T là phù hợp nên được chấp nhận và giá trị đất được xác định là 1.200.000 đồng/m^2 x 500 m^2 = 600.000.000 đồng. (Sáu trăm triệu đồng)

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng sơ thẩm là 4.474.000 đồng, ông Nguyễn Anh T tự nguyện chịu toàn bộ, đã nộp xong.

[6] Về án phí dân sự:

[6.1] Cụ Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận. Tuy nhiên, cụ L thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6.2] Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Anh T

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, Điều 122, Điều 129, Điều 407, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 503 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167, Điều 168 Luật Đất đai;

Áp dụng Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh T về việc: "Buộc cụ Phạm Thị L thực hiện nghĩa vụ đã cam kết là: Tặng cho quyền sử dụng đất có diện tích 10m x 50m = 500m^2 (Giáp lề đường bờ bắc Kênh D) thuộc một phần thửa đất

số 13, tờ bản đồ số 8, ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An cho ông Nguyễn Anh T theo "Giấy cho con đất" lập ngày 01/7/2022".

Buộc cụ Phạm Thị L có nghĩa vụ trả giá trị phần đất cho ông Nguyễn Anh T số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng sơ thẩm là 4.474.000 đồng, ông Nguyễn Anh T tự nguyện chịu toàn bộ, đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự:

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Anh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004486 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Anh T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003503 ngày 13/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An
- TAND huyện Tân Thạnh;
- CCTHADS huyện Tân Thạnh;
- Đương sự
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Những